**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Viện Khoa học & Công nghệ Khai thác Thuỷ sản

Bộ môn: Công nghệ Khai thác Thuỷ sản

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt: **NGHỀ CÁ BỀN VỮNG**
* Tiếng Anh: **SUSTAINABLE FISHERY**

Mã học phần: **FIT361** Số tín chỉ: **3(3-0)**

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Ngư trường nguồn lợi, Quản lí Khai thác thuỷ sản, Pháp luật hàng hải và nghề cá.

**2. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Môi trường biển, nguồn lợi thủy sản và sự phát triển bền vững; Phát triển thủy sản bền vững; Chính sách, qui định, giải pháp và công cụ quản lí nghề cá bền vững; Các mô hình quản lí nghề cá bền vững; nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng những nội dung trên, hiểu và vận dụng vào lĩnh vực quản lí thủy sản.

**3. Mục tiêu:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghề cá bền vững, bao gồm các khái niệm, mối quan hệ giữa môi trường biển và phát triển bền vững nghề cá; các đặc điểm, tính chất của nghề cá bền vững; các công cụ và giải pháp quản lí; các mô hình quản lí nghề cá bền vững được áp dụng trên thế giới và Việt Nam.

**4. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

1. Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của môi trường biển và nguồn lợi thuỷ sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển, phát triển bền vững nghề cá;
2. Phân tích các đặc trưng của môi trường biển ảnh hưởng đến sự phân bố nguồn lợi; đánh giá hiện trạng và nguyên nhân làm suy thoái môi trường và suy giảm nguồn lợi biển Đông, nhằm định hướng các giải pháp phục hồi;
3. Hiểu được khái niệm phát triển bền vững, nghề cá bền vững và phân tích được mối quan hệ giữa môi trường, nguồn lợi và sự phát triển bền vững; đặc điểm chung của nghề cá bền vững;
4. Đánh giá hiện trạng quản lí nghề cá tại Việt Nam và một số xu hướng quản lí nghề cá tiên tiến trên thế giới; chủ trương, chính sách của Việt Nam về quản lý kinh tế biển nói chung và quản lý nghề cá nói riêng;
5. Hiểu và phân tích được các ưu, nhược điểm của các giải pháp và công cụ quản lý nghề cá hiện nay. Đồng thời, có khả năng vận dụng phù hợp cho đặc thù nghề cá cụ thể;
6. Hiểu được khái niệm, đặc điểm, phương thức hoạt động của các mô hình quản lý nghề cá và vận dụng được vào thực tế quản lí nghề cá tại một địa phương cụ thể.

**5. Nội dung môn học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chương/Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* | |
| *LT* | *TH* |
| 1  1.1  1.2  1.3  1.4 | **Môi trường biển và nguồn lợi Thuỷ sản Việt Nam**  Mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên, môi trường và con người  Tài nguyên biển và nguồn lợi thủy sản VN  Tầm quan trọng của môi trường và nguồn lợi thủy sản trong chiến lược phát triển kinh tế biển;  Thực trạng suy thoái môi trường, nguồn lợi thủy sản Biển Đông và công tác điều tra, đánh giá, dự báo. | a,b | 7 | 0 |
| 2  2.1  2.2  2.3  2.4  2.5 | **Nghề cá và sự phát triển bền vững**  Khái niệm về phát triển bền vững, quan hệ giữa môi trường và sự phát triển bền vững;  Khái niệm nghề cá bền vững  Đặc điểm và tính chất của nghề cá bền vững  Hiện trạng quản lí nghề cá tại Việt Nam  Xu hướng chung về quản lý nghề cá trên Thế giới. | a,c,d | 10 | 0 |
| 3  3.1  3.2 | **Quản lý nghề cá bền vững**  Các chính sách quản lý nghề cá bền vững tại Việt Nam  Các công cụ và giải pháp trong quản lý nghề cá bền vững | d,e | 16 | 0 |
| 4.  4.1  4.2  4.3  4.4  4.5  4.6 | **Giới thiệu các mô hình quản lý nghề cá bền vững**  Đồng quản lí nghề cá  Quản lí nghề cá dựa vào cộng đồng  Quản lí nghề cá theo tiếp cận hệ sinh thái  Quản lí nghề cá thích ứng với Biến đổi khí hậu  Mô hình trao quyền quản lý cho cộng đồng ngư dân địa phương tự quản lý (fishing rights)  Mô hình tiếp cận thận trọng (áp dụng đối với loài cá di cư). | f | 12 | 0 |

**6. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích*  *sử dụng* | |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Nguyễn Trọng Thảo - Trần Văn Hào | BG Nghề cá bền vững | 2018 | Viện KH&CN KTTS – Lưu hành nội bộ |  | X |  |
| 2 | Nguyễn Trọng Thảo | BG Ngư trường – Nguồn lợi thủy sản | 2015 | Viện KH&CN KTTS – Lưu hành nội bộ |  |  | X |
| 3 | Lê Xuân Tài  Vũ Như Tân | BG Quản lý nghề cá bền vững | 2016 | Viện KH&CN KTTS – Lưu hành nội bộ |  |  | X |
| 4 | Nguyễn Trọng Lương | BG Quản lý Khai thác Thuỷ sản |  | Viện KH&CN KTTS – Lưu hành nội bộ |  |  | X |
| 5 | Robert Pomeroy | Fishery Co-management – A practical handbook | 2006 | International Development Research Centre |  |  | X |
| 6 | FAO | Precautionary Approach to Capture Fishery and Species Introductions | 1996 | FAO |  |  | X |

**7. Đánh giá kết quả học tập:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Kiểm tra giữa kỳ |  | 20 |
| 2 | Làm việc nhóm (Tiểu luận) |  | 20 |
| 3 | Chuyên cần/thái độ |  | 10 |
| 4 | Thi kết thúc học phần |  | 50 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi họ tên)*  **Nguyễn Trọng Thảo Trần Văn Hào** |
| **VIỆN TRƯỞNG**  *(Ký và ghi họ tên)*  **Trần Đức Phú** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi họ tên)*  **Nguyễn Trọng Thảo** |